TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Trung Nghĩa.
- Ông Triệu Khánh Long.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Đình Hưng, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2018. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST- HNGĐ ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Th.T.Đ., sinh năm 1991;

Địa chỉ: số 13, ấp Hòa Nam, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh O.V.Ch., sinh năm 1993;

Địa chỉ: số 43, ấp Đại Bái A, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/10/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Th.T.Đ. trình bày: Vào năm 2013, chị kết hôn với anh

O.V.Ch. có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày ngày 20/01/2015.

Sau khi kết hôn, hai người sống chung với gia đình cha mẹ ruột của chị Đ. tại ấp Hòa Nam, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống chị Đ. và anh Ch. có hai người con chung tên O.T.P.Ng., (nữ) sinh ngày 02/12/2014 và cháu O.Gi.B.(nam) sinh ngày 27/12/2017. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, anh Ch. vô trách nhiệm với vợ con, làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và từ đầu năm 2018 anh Ch. đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp Đại Bái A, xã Lạc Hòa sinh sống. Nay chị Th.T.Đ. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh O.V.Ch..

Về con chung: Cháu O.T.P.Ng., (nữ) sinh ngày 02/12/2014 và cháu O.Gi.B.(nam) sinh ngày 27/12/2017 hiện đang sinh sống với chị Đ., chị Đ. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc, cháu Bảo và không yêu cầu anh Ch. phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th.T.Đ. không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn O.V.Ch.: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh Ch. không có mặt tại nhà nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Ong Văn Hạc là cha ruột của anh Ch. nhận thay và cam kết đã giao lại tận tay cho anh Ch. theo quy định của pháp luật. Anh Ch. không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng anh Ch. vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/11/2018 không có lý do. Tòa án tiếp tục thông báo phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn lần hai, để tham gia nhưng tại phiên hòa giải ngày 09/01/2019 anh Ch. vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi

hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Th.T.Đ. được ly hôn với anh O.V.Ch.. Giao cho chị Th.T.Đ. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên O.T.P.Ng., (nữ) sinh ngày 02/12/2014 và O.Gi.B.(nam) sinh ngày 27/12/2017; ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Th.T.Đ.. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn Th.T.Đ.. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, chị Đ. yêu cầu ly hôn với anh Ch. và giải quyết nuôi con chung. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn O.V.Ch. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn O.V.Ch..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2015 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Th.T.Đ. có kết hôn với bị đơn O.V.Ch. là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa chị Th.T.Đ. và anh O.V.Ch. đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến anh Ch. trở về nhà sống chung với cha mẹ ruột tại ấp Đại Bái A, xã Lạc Hòa, không còn tiếp tục sống chung với nhau từ đầu năm 2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu

thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa chị Đ. và anh Ch. không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Th.T.Đ. và bị đơn O.V.Ch. thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Th.T.Đ. đối với bị đơn O.V.Ch. là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Th.T.Đ. được ly hôn với anh O.V.Ch..

[3] Về con chung: Chị Th.T.Đ. và anh O.V.Ch. có với nhau hai người con chung tên O.T.P.Ng., (nữ) sinh ngày 02/12/2014 và O.Gi.B.(nam) sinh ngày 27/12/2017 hiện đang sinh sống ổn định với chị Th.T.Đ. tại ấp Hòa Nam, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th.T.Đ. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét tại thời điểm xét xử cháu O.T.P.Ng., và cháu O.Gi.B.chưa được 7 tuổi, chưa thể hiện được ý chí của các cháu muốn được tiếp tục sống chung với ai; hiện tại cháu O.T.P.Ng., và cháu O.Gi.B.đang sống ổn định với chị Đ. được chị Đ. nuôi dưỡng chăm sóc từ khi mới sinh đến nay, hiện tại cuộc sống của các cháu đang phát triển tốt, thể chất tinh thần của các cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác; Trong khi đó, anh O.V.Ch. không thường xuyên chăm sóc giáo dục con chung, cụ thể là anh Ch. đã không còn sống chung với chị Đ. và không cùng chị Đ. trực tiếp chăm sóc cháu Pó Ngọc và cháu Gia Bảo từ đầu năm 2018 đến nay. Do đó, để các cháu có cuộc sống ổn định, đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của cháu Pó Ngọc và cháu Gia Bảo, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Pó Ngọc và cháu Gia Bảo cho chị Th.T.Đ. được trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Th.T.Đ. trình bày nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu O.T.P.Ng. và cháu Ong Gia Bảo, chị Đ. không yêu cầu anh Ch. phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của nguyên đơn Th.T.Đ. về việc không yêu cầu bị đơn O.V.Ch. cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Th.T.Đ., bị đơn O.V.Ch. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Th.T.Đ. phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Khoản 1, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Th.T.Đ. được ly hôn với anh O.V.Ch..

2/ Về con chung: Giao cho chị Th.T.Đ. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên O.T.P.Ng., (nữ) sinh ngày 02/12/2014 và O.Gi.B.(nam) sinh ngày 27/12/2017. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị Th.T.Đ., về việc không yêu cầu anh O.V.Ch. cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị Đ. nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th.T.Đ. và anh O.V.Ch. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Th.T.Đ. phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003996 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Th.T.Đ. đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận
-VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND xã Lạc Hòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn